

Số: *187* /2017/TT-BQP

Hà Nội, ngày *09* tháng *9* năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định một số điều về tiêu chuẩn vật chất quân y của Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định một số điều về tiêu chuẩn vật chất quân y của Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều về tiêu chuẩn vật chất quân y của Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng, bao gồm: tiêu chuẩn thuốc, bông băng, hóa chất; tiêu chuẩn trang bị, dụng cụ y tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác y tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các bệnh viện quân đội khi thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm tiêu chuẩn vật chất quân y

1. Tiêu chuẩn vật chất quân y đối với quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng (sau đây viết tắt là Nghị định số 76/2016/NĐ-CP) và các Danh mục số 06, 07 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

2. Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thường xuyên, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, diễn tập và phòng chống thiên tai thảm họa.

3. Những nội dung đã được bảo hiểm y tế chi trả không được tính vào tiêu chuẩn bảo đảm vật chất quân y được quy định tại Thông tư này.

Chương II

TIÊU CHUẨN VẬT CHẤT QUÂN Y CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG

Điều 4. Thuốc bổ trợ quân, binh chủng

1. Phạm vi bảo đảm: Được bảo đảm ngoài tiêu chuẩn thuốc khám chữa bệnh thường xuyên, ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế đối với các đơn vị đã tham gia bảo hiểm y tế; nhằm dự phòng bệnh tật, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho các đối tượng trực tiếp làm nhiệm vụ trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

2. Loại tiêu chuẩn của đối tượng được bảo đảm thực hiện theo quy định tại Mục 4 Danh mục số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

3. Đối tượng được bảo đảm trong các trường hợp cụ thể sau:

a) Đặc công, trinh sát, tình báo, phi công, cơ giới trên không, thông tin trên không, vô tuyến điện - ra đa tuần thám trên không, thợ lặn: Các đối tượng trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện, tác chiến thuộc các quân chủng, binh chủng trong Quân đội;

b) Trinh sát điện tử, trác thủ ra đa: Các đối tượng trực tiếp làm nhiệm vụ vận hành, sử dụng, huấn luyện, tác chiến thuộc các quân, binh chủng trong Quân đội;

c) Biên giới: Các đối tượng thuộc biên chế tại các đơn vị ở vùng biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

d) Đảo gần, bộ đội tàu mặt nước: Các đối tượng thuộc biên chế tại đảo gần bờ, tàu mặt nước;

đ) Bệnh nghề nghiệp, độc hại đặc thù quân sự: Các đối tượng thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc

hại, nguy hiểm trong Quân đội theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

e) Bộ đội Trường Sa-DK: Các đối tượng thuộc biên chế tại các điểm đảo, nhà giàn, tàu trực tại Trường Sa-DK;

g) Bộ đội Biên phòng: Các đối tượng thuộc biên chế tại các đồn Biên phòng.

4. Trường hợp một người thuộc nhiều loại đối tượng ở Khoản 2 Điều này thì được hưởng một tiêu chuẩn cao nhất quy định tại Mục 4 Danh mục số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP;

Trước ngày 01 tháng 6 hằng năm, quân y đơn vị báo cáo số lượng các đối tượng được hưởng theo Khoản 3 Điều này; sau thời điểm trên, trường hợp có thay đổi quân số, quân y đơn vị báo cáo số lượng bổ sung lên quân y tuyến trên trực tiếp cho đến Cục Quân y.

5. Phương thức bảo đảm

a) Quân y đơn vị bảo đảm bằng thuốc bổ trợ, phù hợp với nhu cầu đặc thù quân sự của từng đối tượng;

b) Trường hợp không mua được thuốc bổ trợ thì bảo đảm bằng thực phẩm chức năng có cùng thành phần và tác dụng.

Điều 5. Chi phí khám sức khỏe thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự và tuyển sinh quân sự

1. Chi phí khám sức khỏe thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự và tuyển sinh quân sự là các chi phí bảo đảm cho khám phúc tra sức khỏe chiến sỹ mới nhập ngũ tại các đơn vị và khám sức khỏe cho học viên mới của các nhà trường, học viện trong Quân đội.

a) Khám phúc tra sức khỏe chiến sỹ mới nhập ngũ gồm: Khám thể lực; khám lâm sàng các chuyên khoa theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng quy định về việc khám sức khỏe thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự; khám cận lâm sàng (xét nghiệm ma túy, HIV; chụp X quang tim phổi);

b) Khám sức khỏe học viên mới gồm: Khám thể lực; khám lâm sàng các chuyên khoa theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng quy định về việc khám sức khỏe thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự; khám cận lâm sàng (xét nghiệm nhóm máu, chỉ số huyết học, sinh hóa máu; xét nghiệm nước tiểu; siêu âm tổng quát, điện tim, chụp X quang tim phổi).

2. Các khoản chi phí về hóa chất xét nghiệm và vật tư tiêu hao bảo đảm cho khám sức khỏe thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự và tuyển sinh quân sự được thực hiện theo tiêu chuẩn định mức quy định tại Mục 4 Danh mục số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

Điều 6. Chi phí khám sức khỏe định kỳ

1. Chi phí khám sức khỏe định kỳ là các chi phí bảo đảm cho khám hoặc giám định sức khỏe hằng năm cho các đối tượng hưởng lương và phụ cấp.

a) Khám sức khỏe định kỳ cho sĩ quan cao cấp gồm: Khám lâm sàng các chuyên khoa (nội khoa; ngoại khoa; thần kinh, tâm thần; da liễu; mắt; tai-mũi-họng; răng-hàm-mặt) và khám cận lâm sàng (xét nghiệm chỉ số huyết học, sinh hóa máu; xét nghiệm nước tiểu; siêu âm tổng quát, điện tim, chụp X quang tim phổi; xét nghiệm miễn dịch, dấu ấn chỉ điểm một số ung thư);

b) Khám sức khỏe định kỳ cho đặc công, trinh sát, trác thủ ra đa, tình báo, bộ đội đóng quân ở vùng biên giới và đảo gần bờ, bộ đội tàu mặt nước, lao động độc hại (theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) và sĩ quan trung cấp gồm: Khám lâm sàng các chuyên khoa (nội khoa; ngoại khoa; thần kinh, tâm thần; da liễu; mắt; tai-mũi-họng; răng-hàm-mặt) và khám cận lâm sàng (xét nghiệm chỉ số huyết học, sinh hóa máu; xét nghiệm nước tiểu; siêu âm tổng quát, điện tim, chụp X quang tim phổi; xét nghiệm miễn dịch);

c) Khám sức khỏe định kỳ cho sĩ quan sơ cấp và đối tượng hưởng lương khác gồm: Khám lâm sàng các chuyên khoa (nội khoa; ngoại khoa; thần kinh, tâm thần; da liễu; mắt; tai-mũi-họng; răng-hàm-mặt) và khám cận lâm sàng (xét nghiệm chỉ số huyết học, sinh hóa máu; xét nghiệm nước tiểu; siêu âm tổng quát, điện tim, chụp X quang tim phổi);

d) Khám sức khỏe định kỳ và giám định sức khỏe cho phi công, thợ lặn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 196/2014/TT-BQP ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Quốc phòng ban hành Điều lệ giám định Y khoa Không quân và Thông tư số 26/2011/TT-BQP ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Bộ Quốc phòng quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, sơ tuyển, khám tuyển, kiểm tra, giám định sức khỏe lực lượng tàu ngầm của Quân chủng Hải quân;

đ) Khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng hưởng phụ cấp (hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên đào tạo sĩ quan từ năm thứ hai trở lên) gồm: khám thể lực; khám lâm sàng các chuyên khoa (nội khoa; ngoại khoa; thần kinh, tâm thần; da liễu; mắt; tai-mũi-họng; răng-hàm-mặt) và khám cận lâm sàng (xét nghiệm sinh hóa máu, xét nghiệm nước tiểu, siêu âm tổng quát, điện tim).

2. Các khoản chi phí về hóa chất xét nghiệm và vật tư tiêu hao bảo đảm cho khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng thuộc các Điểm a, b, c, d, đ Khoản 1 Điều này được thực hiện theo tiêu chuẩn định mức quy định tại Mục 7 Danh mục số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Chi phí cho khám và điều trị vô sinh, hiếm muộn cho bộ đội do làm việc trong môi trường lao động quân sự độc hại

1. Chi phí cho điều trị vô sinh, hiếm muộn là chi phí bảo đảm cho khám và điều trị vô sinh, hiếm muộn cho các đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng làm việc trong môi trường lao động quân sự độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản.

2. Các đối tượng thuộc Khoản 1 Điều này được gọi là vô sinh hoặc hiếm muộn khi có kết luận vô sinh hoặc hiếm muộn của các bệnh viện, trung tâm hỗ trợ sinh sản được Bộ Y tế công nhận.

3. Nội dung khám và điều trị vô sinh, hiếm muộn

a) Khám vô sinh, hiếm muộn gồm: Khám phân loại hiếm muộn, vô sinh; khám lâm sàng chuyên khoa sản, tiết niệu; khám cận lâm sàng (xét nghiệm nội tiết tố, chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm tinh dịch, thăm dò phóng noãn);

b) Điều trị vô sinh, hiếm muộn gồm: Điều trị bằng thuốc, thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm và nuôi cấy tinh tử.

4. Các khoản chi phí cho khám và điều trị vô sinh, hiếm muộn cho bộ đội do làm việc trong môi trường lao động quân sự độc hại được hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng không vượt quá tiêu chuẩn định mức quy định tại Mục 7 Danh mục số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

Điều 8. Tiêu chuẩn trang bị lần đầu

1. Trang bị lần đầu bao gồm: Thiết bị y tế, doanh cụ y tế, dụng cụ và vật tư y tế tiêu hao, đồ vải nghiệp vụ, là các trang bị cơ bản được bảo đảm đồng bộ lần đầu cho các đơn vị quân y thành lập mới hoặc các trang bị nằm trong danh mục quy định nhưng lần đầu được bảo đảm cho các đơn vị.

2. Danh mục trang bị cơ bản được bảo đảm lần đầu cho từng loại hình cơ sở y tế trong Quân đội

a) Danh mục trang bị cơ bản lần đầu quân y đại đội (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Danh mục trang bị cơ bản lần đầu quân y tiểu đoàn (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Danh mục trang bị cơ bản lần đầu đại đội quân y cấp trung đoàn, lữ đoàn và tương đương (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Danh mục trang bị cơ bản lần đầu tiểu đoàn quân y cấp sư đoàn và tương đương (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này);

đ) Danh mục trang bị cơ bản lần đầu phân đội quân y cơ động

Tổ cấp cứu ngoại viện, gồm: Vali dụng cụ cấp cứu, trang thiết bị y tế thiết yếu trên xe cứu thương, ban hành kèm theo Quyết định 3385/QĐ-BYT ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế;

Đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu (Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư này);

Đội phẫu thuật cứu chữa cơ bản (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này);

e) Danh mục trang bị cơ bản lần đầu đội y học dự phòng (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

g) Danh mục trang bị bệnh viện hạng 2: Áp dụng danh mục trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh ban hành kèm theo Quyết định 437/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 tháng 2002 của Bộ Y tế. Tùy thuộc vào chỉ tiêu giường bệnh cao hoặc thấp hơn để tăng giảm số lượng trang thiết bị cho phù hợp;

h) Danh mục trang bị bệnh viện hạng 1: Trên cơ sở danh mục trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh ban hành kèm theo Quyết định 437/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 tháng 2002 của Bộ Y tế, tùy theo chức năng nhiệm vụ, tổ chức biên chế, quy mô giường bệnh, tính chất chuyên khoa để bổ sung danh mục cho phù hợp nhằm đáp ứng cho các nhiệm vụ khám, điều trị, chỉ đạo tuyến, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế;

i) Danh mục trang bị bệnh viện hạng đặc biệt: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25 tháng 8 năm 2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng bệnh viện (phần tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng, trang thiết bị);

k) Danh mục trang bị viện chuyên ngành: Tùy theo chức năng, đặc thù nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức biên chế để xây dựng danh mục cho phù hợp.

3. Các cơ sở y tế trong Quân đội được bảo đảm thêm các trang bị y tế đặc thù quân sự. Cục Quân y nghiên cứu, quy định danh mục cụ thể cho từng loại hình đơn vị quân y, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, diễn tập và phòng chống thiên tai thảm họa.

4. Các khoản chi phí cho mua sắm trang bị lần đầu thực hiện theo tiêu chuẩn định mức quy định tại Mục 1 Danh mục số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

Điều 9. Trang bị thay thế hằng năm

1. Tiêu chuẩn trang bị thay thế hằng năm để bảo đảm bổ sung, thay thế trang thiết bị y tế và doanh cụ y tế trong danh mục qui định đã hư hỏng, xuống cấp trong quá trình chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.

2. Các khoản chi phí cho mua sắm trang bị thay thế hằng năm thực hiện theo quy định tại Mục 2 Danh mục số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2016/NĐ-CP.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản tham chiếu

Khi các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung bằng văn bản khác thì các nội dung liên quan tại Thông tư này sẽ áp dụng, điều chỉnh theo các văn bản mới ban hành.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 .

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Quân y báo cáo cấp có thẩm quyền:

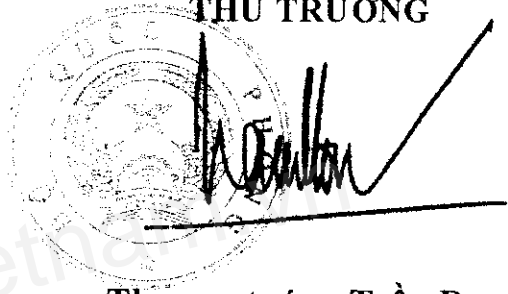
a) Điều chỉnh danh mục trang bị cho từng loại hình cơ sở y tế trong Quân đội bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và sự phát triển của khoa học công nghệ;

b) Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ cho các bệnh viện quân đội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Thủ trưởng BQP; CNTCCT;
- Bộ Y tế;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các Cục: Tài chính, Quân y;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/BTP;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Quốc phòng;
- Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, THBD, 206.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Trần Đơn

Phụ lục I
DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LÀN ĐẦU QUÂN Y ĐẠI ĐỘI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 187/2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
1	Garô cầm máu	cái	1	
2	Nẹp tay, chân loại mềm	bộ	1	
3	Nhiệt kế nách	cái	1	
4	Đèn pin 2 pin	cái	1	
5	Kéo cắt băng	cái	1	
6	Kẹp Kocher thẳng	cái	1	
7	Bút chì	cái	1	
8	Vật tư cấp cứu	cơ số	1	
9	Dải đồ hình đuôi nheo	cái	10	
II	ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ			
10	Vỏ túi YT (y tá)	cái	1	

Tổng cộng: 10 khoản mục

Phụ lục II

DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LẦN ĐẦU QUÂN Y TIỂU ĐOÀN

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~187~~ /2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			
1	Đèn tiêu phẫu di động	cái	1	
2	Máy điện châm	cái	1	
3	Máy xông khí dung	cái	1	
4	Nồi luộc dụng cụ điện	cái	1	
II	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
5	Cán dao mổ	cái	1	
6	Lưỡi dao mổ	cái	5	
7	Hô hấp nhân tạo bóp tay người lớn	bộ	1	
8	Hô hấp nhân tạo bóp tay trẻ em	bộ	1	
9	Bộ tiêu phẫu thuật	bộ	1	
10	Garô cầm máu	cái	3	
11	Garô tiêm truyền	cái	3	
12	Cặp phẫu tích có răng 18-20 cm	cái	2	
13	Cặp phẫu tích không răng 18-20 cm	cái	2	
14	Kéo cắt băng	cái	1	
15	Kẹp kocher cong 18-20 cm	cái	2	
16	Đè lưỡi kim loại	cái	2	
17	Huyết áp kế đồng hồ	cái	1	
18	Nhiệt kế nách	cái	2	
19	Ống nghe 2 tai	cái	1	
20	Cân người có thước đo	cái	1	
21	Bộ khám ngũ quan	bộ	1	
22	Khay inox chữ nhật 24x30 cm	cái	1	
23	Nẹp tay, chân loại mềm	bộ	2	
24	Ấm sắc thuốc	cái	1	
25	Kim châm cứu	bộ	2	
26	Đèn bão	cái	1	
27	Đèn pin 2 pin	cái	1	
28	Vật tư phẫu thuật, cấp cứu quân y tiểu đoàn	cơ số	1	
29	Vật tư khám, điều trị quân y tiểu đoàn	cơ số	1	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
III DOANH CỤ				
30	Cáng bặt	cái	1	
31	Bàn khám bệnh	cái	1	
32	Giường bệnh nhân inox	cái	1	
33	Tủ thuốc nhôm inox	cái	1	
34	Bàn tiêm inox	cái	1	
35	Giá truyền dịch	cái	1	
IV ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ				
36	Đồ vải cho quân y tiểu đoàn (nhân viên, buồng kỹ thuật)	cơ số	1	
37	Vỏ túi YT (y tá)	cái	2	
38	Vỏ túi YS (y sỹ)	cái	1	

Tổng cộng: 38 khoản mục

Truc

Phụ lục III

**DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LẦN ĐẦU ĐẠI ĐỘI QUÂN Y
CẤP TRUNG ĐOÀN, LỮ ĐOÀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~187~~ /2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			
1	Máy điện tim 1-3 kênh	cái	1	
2	Máy siêu âm chẩn đoán xách tay	cái	1	
3	Máy xét nghiệm nhanh các thông số cơ bản	cái	1	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	cái	1	
5	Máy xét nghiệm nước tiểu	cái	1	
6	Kính hiển vi 2 mắt điện	cái	1	
7	Kính hiển vi lưu động	cái	1	
8	Máy ly tâm	cái	1	
9	Ly tâm quay tay	cái	1	
10	Thiết bị ủ nhiệt	cái	1	
11	Tủ lạnh	cái	1	
12	Máy theo dõi bệnh nhân kèm sóc tim	cái	1	
13	Máy thở xách tay/bình oxy	cái	1	
14	Máy tạo oxy từ khí trời	cái	1	
15	Bàn mổ đa năng	cái	1	
16	Đèn mổ đứng ánh sáng lạnh	cái	1	
17	Đèn mổ 1 bóng có ắc quy	cái	2	
18	Máy hút dịch đập chân	cái	2	
19	Máy hút phẫu thuật điện	cái	1	
20	Giường hồi sức cấp cứu	cái	1	
21	Nồi hấp áp lực 75 lít	cái	1	
22	Nồi hấp áp lực 20 lít	cái	1	
23	Nồi luộc dụng cụ điện	cái	2	
24	Máy xông khí dung	cái	1	
25	Máy điện châm dùng pin	cái	2	
26	Máy điện xung	cái	1	
27	Máy phun phòng dịch có động cơ	cái	1	
28	Tủ bảo ôn trữ thuốc	cái	1	
29	Máy phát điện 1-2 kW kèm dây, bóng	cái	1	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
30	Máy hút âm	cái	2	
31	Trang bị khám bệnh khác	bộ	1	
32	Trang bị điều trị khác	bộ	1	
II	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
33	Bộ khám ngũ quan	bộ	1	
34	Nhiệt kế nách	cái	10	
35	Huyết áp kế đồng hồ	cái	5	
36	Ống nghe 2 tai	cái	5	
37	Búa phản xạ	cái	1	
38	Cân người lưu động	cái	1	
39	Đèn khám	cái	1	
40	Nẹp tay, chân loại mềm	cái	10	
41	Micropipet	cái	2	
42	Huyết sắc kế (Hemocytometre)	cái	1	
43	Huyết cầu kế (Hemmometre)	cái	1	
44	Hô hấp nhân tạo bóp tay người lớn	bộ	2	
45	Hô hấp nhân tạo bóp tay trẻ em	bộ	1	
46	Bộ tiêu phẫu thuật	bộ	1	
47	Bộ trung phẫu thuật	bộ	1	
48	Dụng cụ nhỏ răng	bộ	1	
49	Dụng cụ hàn răng	bộ	1	
50	Dụng cụ khám phụ khoa	bộ	1	
51	Bếp dầu hoặc bếp than	cái	4	
52	Hộp hấp bông băng phi 20 cm	cái	2	
53	Hộp hấp bông băng phi 30 cm	cái	1	
54	Nồi hấp chõ xôi phi 35 cm	cái	1	
55	Xoong luộc dụng cụ 2 lít	cái	3	
56	Xoong luộc dụng cụ 5 lít	cái	2	
57	Đèn hồng ngoại điều trị	cái	1	
58	Ấm sắc thuốc	cái	1	
59	Bếp dầu hoặc bếp than	cái	1	
60	Bộ giác hơi không dùng lửa	bộ	1	
61	Chảo sao thuốc	cái	1	
62	Dao cầu	cái	1	
63	Hộp luộc dụng cụ	cái	1	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
64	Kim châm cứu	bộ	10	
65	Nồi xông 10 lít	cái	1	
66	Thuyền tán	cái	1	
67	Bình bơm phun tay	cái	1	
68	Đèn bão	cái	4	
69	Đèn pin 3 pin	cái	1	
70	Đèn pin 2 pin	cái	4	
71	Cáng bạt	cái	3	
72	Vật tư khám bệnh tuyến trung đoàn	cơ số	1	
73	Vật tư phẫu thuật, cấp cứu tuyến trung đoàn	cơ số	1	
74	Vật tư điều trị tuyến trung đoàn	cơ số	1	
75	Vật tư xét nghiệm tuyến trung đoàn	cơ số	1	
III	DOANH CỤ			
76	Bàn chuyển dụng cụ inox	cái	1	
77	Bàn khám bệnh inox	cái	1	
78	Bàn mổ dã chiến inox	cái	2	
79	Bàn thay băng inox	cái	2	
80	Bàn tiêm inox	cái	3	
81	Bàn tiếp dụng cụ phẫu thuật inox	cái	2	
82	Cáng thương đẩy	cái	1	
82	Ghế xoay inox	cái	2	
84	Giá kê hàng	cái	4	
85	Giá truyền dịch	cái	2	
86	Giường inox không bánh xe	cái	15	
87	Tủ đầu giường nhôm inox	cái	15	
88	Rửa tay phẫu thuật	bộ	1	
89	Tủ thuốc đông y inox	cái	1	
90	Tủ thuốc nhôm inox	cái	3	
91	Xe đẩy thuốc	cái	1	
IV	ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ			
92	Đồ vải đại đội quân y (nhân viên, bệnh nhân, buồng kỹ thuật, phòng mổ)	cơ số	1	

Tổng cộng: 92 khoản mục

Phụ lục IV

**DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LẦN ĐẦU CHO TIỂU ĐOÀN QUÂN Y
CẤP SƯ ĐOÀN VÀ TƯỚNG ĐƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~187~~ /2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			
1	Máy điện tim 1-3 kênh	cái	2	
2	Máy siêu âm chẩn đoán màu	cái	1	
3	Máy siêu âm chẩn đoán xách tay	cái	1	
4	Máy xét nghiệm nhanh các thông số cơ bản	cái	1	
5	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	cái	1	
6	Máy xét nghiệm huyết học 18 thông số	cái	1	
7	Kính hiển vi 2 mắt chạy điện	cái	1	
8	Kính hiển vi lưu động	cái	1	
9	Ly tâm quay tay	cái	1	
10	Thiết bị ủ nhiệt	cái	1	
11	Tủ lạnh	cái	1	
12	Máy X-quang chẩn đoán cố định	cái	1	
13	Máy X-quang chẩn đoán xách tay	cái	1	
14	Máy in phim tự động (hoặc buồng tối)	cái	1	
15	Trang bị bảo vệ bức xạ cho bác sỹ và bệnh nhân	bộ	1	
16	Máy theo dõi bệnh nhân kèm sóc tim	cái	2	
17	Máy thở xách tay/bình oxy	cái	2	
18	Máy gây mê dã chiến	cái	2	
19	Máy tạo o xy từ khí trời	cái	2	
20	Bàn mổ đa năng	cái	2	
21	Đèn mổ ánh sáng lạnh	cái	2	
22	Đèn mổ 1 bóng có ắc quy	cái	3	
23	Đèn mổ quay tay 1 bóng	cái	3	
24	Máy hút phẫu thuật điện	cái	2	
25	Máy hút dịch đập chân	cái	3	
26	Máy nội soi tai-mũi-họng	cái	1	
27	Máy xông khí dung	cái	1	
28	Máy răng tổng hợp	cái	1	

TT	Tên vật tư	DVT	Số lượng	Ghi chú
29	Máy khoan răng lưu động	cái	1	
30	Ghế răng lưu động	cái	1	
31	Nồi hấp áp lực 75 lít	cái	2	
32	Nồi hấp áp lực 20 lít	cái	4	
33	Nồi luộc dụng cụ điện	cái	2	
34	Tủ sấy	cái	1	
35	Máy điện châm	cái	3	
36	Máy điện phân	cái	1	
37	Máy điện trị liệu	cái	2	
38	Máy siêu âm điều trị	cái	1	
39	Máy laser điều trị	cái	1	
40	Máy kéo dẫn cột sống lưng cổ	cái	1	
41	Tủ sấy dược liệu	cái	1	
42	Máy phun có động cơ	cái	2	
43	Tủ bảo ôn trữ thuốc	cái	1	
44	Tủ lạnh	cái	1	
45	Máy phát điện 3-5 kW (kèm dây, bóng)	bộ	3	
46	Máy hút ẩm	cái	4	
47	Trang bị pha chế thuốc tiêm truyền tuyến sư đoàn	cơ số	1	
48	Trang bị khám bệnh khác	bộ	1	
49	Trang bị điều trị khác	bộ	1	
II	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
50	Bộ khám ngũ quan	bộ	2	
51	Nhiệt kế nách	cái	15	
52	Huyết áp kế đồng hồ	cái	7	
53	Ống nghe 2 tai	cái	7	
54	Búa phản xạ	cái	2	
55	Dụng cụ khám phụ khoa	bộ	2	
56	Cân người lưu động	cái	2	
57	Đèn khám	cái	2	
58	Đèn soi phim X-quang	cái	1	
59	Cáng bạt	cái	10	
60	Nẹp tay, chân loại mềm	bộ	50	
61	Micro Pipet	cái	4	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
62	Huyết sắc kế (hemocytometre)	cái	2	
63	Huyết cầu kế (hemometre)	cái	1	
64	U rê kế	cái	1	
65	Bộ đo huyết trầm	bộ	2	
66	Cân robervan 100 g	cái	1	
67	Túi nhựa lấy máu và dây	bộ	5	
68	Hô hấp nhân tạo bóp tay (người lớn)	bộ	3	
69	Hô hấp nhân tạo bóp tay (trẻ em)	bộ	1	
70	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	bộ	1	
71	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	bộ	4	
72	Bộ dụng cụ trung phẫu	bộ	2	
73	Bộ dụng cụ đại phẫu	bộ	1	
74	Thùng rửa phim inox 10 lít	cái	2	
75	Đèn soi phim X-quang	cái	1	
76	Bộ dụng cụ khám ngũ quan	bộ	1	
77	Bộ dụng cụ khám, điều trị mắt	bộ	1	
78	Bộ dụng cụ nhỏ răng	bộ	1	
79	Bộ dụng cụ hàn răng	bộ	1	
80	Bộ dụng cụ lấy cao răng	bộ	1	
81	Hộp dụng cụ	cái	6	
82	Bếp dầu 10 ngọn Việt Nam	cái	10	
83	Hộp hấp bông băng ϕ 20 cm	cái	4	
84	Hộp hấp bông băng ϕ 30 cm	cái	4	
85	Xoong luộc dụng cụ 2 lít	cái	5	
86	Xoong luộc dụng cụ 5 lít	cái	3	
87	Xoong luộc dụng cụ 10 lít	cái	3	
88	Đèn hồng ngoại điều trị	cái	1	
89	Ấm sắc thuốc	cái	3	
90	Bếp dầu hoặc bếp than	cái	2	
91	Bộ giác hơi không dùng lửa	bộ	1	
92	Chảo sao thuốc	cái	1	
93	Dao cầu	cái	2	
94	Hộp đựng dụng cụ	cái	1	
95	Kim châm cứu	bộ	30	
96	Nồi xông 10 lít	cái	2	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
97	Thuyền tán	cái	1	
98	Bình bơm phun tay	cái	2	
99	Đèn bão	cái	10	
100	Đèn pin 2 pin	cái	20	
111	Đèn pin 3 pin	cái	6	
112	Vật tư khám bệnh tuyến sư đoàn	cơ số	1	
113	Vật tư phẫu thuật, cấp cứu tuyến sư đoàn	cơ số	1	
114	Vật tư xét nghiệm tuyến sư đoàn	cơ số	1	
115	Vật tư điều trị tuyến sư đoàn	cơ số	1	
116	Vật tư chuyên khoa tuyến sư đoàn	cơ số	1	
117	Vật tư X-quang	cơ số	1	
III	DOANH CỤ			
118	Bàn chuyển dụng cụ inox	cái	2	
119	Bàn mổ dã chiến inox	cái	3	
120	Bàn thay băng inox	cái	6	
121	Bàn tiêm inox	cái	8	
122	Bàn tiếp dụng cụ phẫu thuật inox	cái	3	
123	Cáng thương đẩy	cái	2	
124	Ghế xoay inox	cái	2	
125	Giá kê hàng	cái	2	
126	Giá truyền dịch	cái	14	
127	Giường bệnh nhân (hồi sức)	cái	2	
128	Giường inox không bánh xe	cái	30	
129	Tủ đầu giường nhôm inox	cái	30	
120	Rửa tay phẫu thuật	cái	2	
131	Tủ thuốc nhôm inox	cái	7	
132	Xe đẩy thuốc	cái	1	
IV	ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ			
133	Đồ vải tiểu đoàn quân y (nhân viên, bệnh nhân, buồng kỹ thuật, phòng mổ)	cơ số	1	

Tổng cộng: 133 khoản mục

Phụ lục V
DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LÀN ĐẦU
ĐỘI PHẪU THUẬT CỨU CHỮA BƯỚC ĐẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~187~~ /2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			
1	Máy xét nghiệm nhanh các thông số cơ bản	bộ	1	i-stat
2	Máy theo dõi bệnh nhân kèm sóc tim	cái	1	Loại đã chiến
3	Máy thở xách tay/bình oxy	cái	1	Loại đã chiến
4	Thiết bị ép tim ngoài lồng ngực	cái	1	
5	Máy hút đạp chân	cái	1	
6	Máy phát điện 1kW (kèm dây, bóng)	cái	1	
II	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
7	Búa phản xạ	cái	2	
8	Bơm tiêm Roco 20 ml	cái	1	
9	Hộp đựng bơm tiêm 20 ml	cái	1	
10	Bàn chải rửa tay	cái	9	
11	Bi đồng đựng nước	cái	2	
12	Bô ia tròn	cái	2	
13	Vịt đái nam	cái	2	
14	Ca nhựa	cái	4	
15	Chậu nhựa	cái	4	
16	Xô nhựa 10 lít	cái	3	
17	Can nhựa 10 lít	cái	2	
18	Đè lưới kim loại	cái	3	
19	Đèn pin 3 pin	cái	3	
20	Đèn bão	cái	4	
21	Hộp hấp quần áo, băng, gạc	cái	2	
22	Huyết áp kế đồng hồ	cái	2	
23	Kim châm cứu	bộ	2	
24	Khay men 18x25 cm	cái	1	
25	Khay men 30x40 cm	cái	2	
26	Khay quả đậu	cái	3	
27	Ống nghe 2 tai	cái	2	
28	Nẹp tay, chân loại mềm	bộ	7	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	Nhiệt kế nách	cái	3	
30	Nồi hấp chõ xôi	cái	1	
31	Nồi hấp áp lực 20 lít	cái	1	
32	Thùng nhựa có vòi rửa	cái	1	
33	Thìa nhôm	cái	5	
34	Xô nhựa đựng nước 10 lít	cái	2	
35	Xoong luộc dụng cụ 2 lít	cái	2	
36	Xoong luộc dụng cụ 10 lít	cái	1	
37	Banh Farabeuf 20 cm	cái	1	
38	Banh cào	cái	1	
39	Crizabe	bộ	4	
40	Cán dao mổ	cái	2	
41	Dao cắt đoạn	cái	1	
42	Dùi Troka (2 ngành)	cái	1	
43	Kéo thẳng tay	cái	1	
45	Kéo thẳng nhọn	cái	2	
46	Kéo cong nhọn	cái	1	
47	Kéo cong tay	cái	1	
48	Kéo cắt băng	cái	2	
49	Kẹp kocher thẳng có máu	cái	5	
50	Kẹp kocher thẳng không máu	cái	12	
51	Kẹp pean	cái	1	
52	Kẹp gấp dụng cụ	cái	1	
53	Kẹp khăn mổ	cái	4	
54	Kẹp kẹp lưỡi	cái	1	
55	Kẹp lấy dị vật	cái	1	
56	Kim mang kim	cái	2	
57	Kim chọc hút dịch màng phổi	cái	2	
58	Kim Petrop (ứng dụng)	cái	2	
59	Lưỡi dao mổ	cái	20	
60	Mở miệng	cái	1	
61	Nia có máu	cái	3	
62	Nia không máu	cái	3	
63	Hộp đựng dụng cụ (nhôm)	cái	1	
64	Tuốt cốt mạc	cái	1	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
65	Quả bóng hút	cái	1	
66	Cáng vải bạt	cái	2	
67	Cáng ứng dụng	cái	2	
68	Vật tư phẫu thuật, cấp cứu bước đầu	cơ số	1	
69	Vật tư khám, điều trị bước đầu	cơ số	1	
III	DOANH CỤ			
70	Bàn mổ dã chiến	cái	1	
71	Bàn để dụng cụ phẫu thuật	cái	1	
72	Bàn phân loại, để thuốc	cái	5	
IV	ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ			
73	Đồ vải đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu (nhân viên, bộ phận phẫu thuật)	cơ số	1	
74	Vỏ túi YT (y tá)	cái	3	
75	Túi bạt dụng dụng cụ (gùi)	cái	10	
76	Lều mô 16 m ² (kèm ruột lều)	bộ	1	
77	Lều điều trị hậu tổng 16 m ²	bộ	1	
78	Mái lều phân loại	bộ	1	

Tổng cộng: 78 khoản mục

Phụ lục VI

**DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LẦN ĐẦU ĐỘI
PHẪU THUẬT CỨU CHỮA CƠ BẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~187~~ /2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			
1	Máy X quang kỹ thuật số xách tay	bộ	1	Loại dã chiến
2	Máy xét nghiệm nhanh các thông số cơ bản	bộ	1	i-stat
3	Nồi hấp áp lực 20 lít	cái	1	
4	Máy theo dõi bệnh nhân kèm sóc tim	cái	1	Loại dã chiến
5	Thiết bị ép tim ngoài lồng ngực	cái	1	
6	Máy gây mê dã chiến	cái	1	
7	Máy thở xách tay/bình oxy	cái	1	Loại dã chiến
8	Máy hút đạp chân	cái	1	
9	Máy phát điện 1-2 kW (kèm dây, bóng)	cái	1	
II	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
10	Búa phản xạ	cái	2	
11	Đè lưỡi kim loại	cái	4	
12	Nhiệt kế nách	cái	5	
13	Huyết áp kế đồng hồ	cái	3	
14	Ống nghe 2 tai	cái	3	
15	Garô tiêm truyền	cái	4	
16	Bàn chải rửa tay	cái	8	
17	Bi đồng (chai nhựa) đựng nước	cái	2	
18	Bơm tiêm Rơ co 20 ml	cái	1	
19	Hộp đựng bơm tiêm 20 ml	cái	1	
20	Bô nhựa (hoặc men)	cái	2	
21	Ca nhựa	cái	4	
22	Chậu nhựa	cái	7	
23	Can nhựa 2 lít	cái	1	
24	Can nhựa 10 lít	cái	2	
25	Đèn pin 3 pin	cái	5	
26	Đèn bão	cái	5	
27	Ghế băng to để ngồi	cái	2	
28	Ghế 1 người ngồi	cái	3	
29	Giường bạt	cái	12	
30	Hộp hấp	cái	2	
31	Kim châm cứu	bộ	3	
32	Kéo cắt băng	cái	3	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
33	Kẹp phẫu tích	cái	3	
34	Kẹp Kocher	cái	3	
35	Khay men 20x30 cm	cái	5	
36	Khay quả đậu	cái	4	
37	Phích đựng nước	cái	2	
38	Thùng nhựa có vòi	cái	1	
39	Thìa nhôm	cái	5	
40	Ống rửa dạ dày	cái	1	
41	Vật đái nhựa	cái	2	
42	Xô nhựa 10 lít	cái	4	
43	Xoong nhôm 10 lít	cái	1	
44	Bộ đại phẫu thuật	bộ	1	
45	Bộ tiểu phẫu thuật	bộ	2	
46	Kim Troka	cái	2	
47	Kim chọc màng phổi	cái	3	
48	Kim chọc ống sống	cái	3	
49	Kim Petrop (ứng dụng)	cái	2	
50	Garô cầm máu	cái	2	
51	Nẹp tay, chân loại mềm	bộ	6	
52	Vật tư phẫu thuật, cấp cứu cơ bản	cơ số	1	
53	Vật tư khám bệnh, điều trị cơ bản	cơ số	1	
III	DOANH CỤ			
54	Bàn mổ dã chiến tuyến sư đoàn	cái	2	
55	Bàn tiếp dụng cụ phẫu thuật	cái	2	
58	Bàn 2 ngăn để thuốc, trang bị	cái	6	
IV	ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ			
59	Đồ vải đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu (nhân viên, bộ phận phẫu thuật)	cơ số	1	
60	Cáng vải bạt	cái	3	
61	Lều bạt quân y 2 mái	bộ	1	
62	Lều bạt quân y 4 mái	bộ	2	
63	Mái bạt quân y (4x8,5 m)	bộ	1	
64	Túi bạt đựng dụng cụ (gùi)	cái	5	
65	Vỏ túi YT (y tá)	cái	4	

Tổng cộng: 65 khoản mục

Phụ lục VII

DANH MỤC TRANG BỊ CƠ BẢN LẦN ĐẦU ĐỘI Y HỌC DỰ PHÒNG
 (Ban hành kèm theo Thông tư số ~~187~~ /2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017
 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			
1	Nhiệt kế treo tường	cái	3	
2	Nhiệt ký hàng ngày	cái	1	
3	Nhiệt ký hàng tuần	cái	1	
4	Âm kế Auguste	cái	1	
5	Âm kế Asmann	cái	1	
6	Âm ký ngày	cái	1	
7	Âm ký tuần	cái	1	
8	Phong tốc kế cánh quạt	cái	1	
9	Phong tốc kế góc	cái	1	
10	Luxmetre đo ánh sáng	cái	1	
11	Máy đo bức xạ hiện số	cái	1	
12	Máy đếm bụi	cái	1	
13	Máy điện tim 1-3 kênh	cái	1	
14	Máy đo thính lực	cái	1	
15	Máy phân tích chất lượng nước lưu động 21 chỉ tiêu	cái	1	
16	Bộ lấy mẫu nước	bộ	2	
17	Máy đo độ rung	cái	1	
18	Máy đo độ ồn	cái	1	
19	Bộ lấy mẫu khí cây trùng	bộ	1	
20	Hộp xét nghiệm nước đã ngoại	bộ	1	
21	Máy đo bức xạ nhiệt cầm tay	cái	1	
22	Bộ Serodia	bộ	1	
23	Bộ cát đạm bán tự động	bộ	1	
24	Lò nung 1000 độ	cái	1	
25	Tủ lạnh	cái	1	
26	Bộ định lượng Vitamin (Huỳnh quang)	bộ	1	
27	Máy đo xạ DP11B cơ động	cái	1	
28	Máy đo khí độc	cái	1	
29	Bộ quần áo phòng hóa	bộ	3	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
30	Bộ soi trực tràng	bộ	1	
31	Bơm tiêm áp lực	cái	3	
32	Kính hiển vi	cái	2	
33	Bộ xét nghiệm sốt rét QBC	bộ	1	
34	Xe Labo phòng chống dịch	cái	1	
35	Máy phun có động cơ	cái	1	
36	Máy phun mù nóng	cái	1	
37	Xe phòng chống dịch cơ động (Xe DDA)	cái	1	
38	Tủ lạnh	cái	1	
39	Tủ âm + nhiệt kế 50 độ	cái	2	
40	Tủ sấy	cái	1	
41	Nồi áp áp lực	cái	2	
42	Kính hiển vi 2 mắt điện	cái	1	
43	Kính hiển vi nền đen	cái	1	
44	Kính soi ngưng kết	cái	1	
45	Máy li tâm 3000-6000 vòng/phút	cái	1	
46	Máy li tâm quay tay (hoặc dùng pin)	cái	1	
47	Bốc cấy vô trùng	cái	1	
48	Tủ hút	cái	1	
49	Máy lắc ống nghiệm	cái	1	
50	Máy điều hòa không khí	cái	2	
51	Máy xay thịt	cái	1	
52	Xe labo phòng chống dịch	cái	1	
53	Cân phân tích (chính xác 0,1 mg)	cái	1	
54	Máy hút chân không	cái	1	
55	Máy lắc	cái	1	
56	Bộ cất nước 2 lần	cái	1	
57	Bộ hóa nghiệm máu (bao gồm cả kính hiển vi)	bộ	2	
58	Máy tính	cái	1	
59	Máy phát điện 1-2 kW	cái	1	
60	Máy đo pH	cái	1	
61	Máy ảnh	cái	1	
62	Máy chiếu	cái	1	
63	Máy chiếu phim	cái	1	
64	Bộ truyền thông	bộ	1	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
II	DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO			
65	Cân người có thước đo	cái	1	
66	Cân người lưu động	cái	1	
67	Thước đo chiều cao	cái	2	
68	Thước cuộn vải	cái	2	
69	Phế rung kế	cái	1	
70	Lực kế bóp tay	cái	2	
71	Lực kế lưng	cái	1	
72	Nhiệt kế đo thân nhiệt	cái	5	
73	Nhiệt kế đo da	cái	1	
74	Huyết áp kế thủy ngân	cái	1	
75	Huyết áp kế đồng hồ	cái	2	
76	Ống nghe 2 tai	cái	3	
77	Đồng hồ bấm giây	cái	2	
78	Kính lúp phóng đại 10x, 15x, 20x	cái	5	
79	Kính lúp soi lỗi	cái	1	
80	Bộ hóa nghiệm thử tồn lưu	bộ	1	
81	Bơm phun tay nhỏ	cái	5	
82	Đèn cực tím khử trùng	cái	1	
83	Cân robervna 200 g	cái	2	
84	Đồng hồ bấm giây	cái	3	
85	Dụng cụ thủy tinh cho xét nghiệm	cơ số	1	
86	Micropipet	cái	2	
87	Cối chày sứ	bộ	3	
88	Đèn cồn	cái	10	
89	Đèn pin	cái	10	
90	Đèn soi kính hiển vi	cái	3	
91	Giá buret	cái	5	
92	Giá ống nghiệm	cái	10	
93	Bẫy chuột	cái	10	
94	Lồng nuôi chuột	cái	10	
95	Dao trích	cái	2	
96	Hộp hấp	cái	4	
97	Kìm gấp dụng cụ	cái	1	
98	Kẹp kocher không răng	cái	2	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
99	Kẹp mohr	cái	6	
100	Kẹp ruột	cái	2	
101	Kéo thẳng nhọn	cái	3	
102	Kéo cong nhọn	cái	1	
103	Kéo cắt bằng	cái	1	
104	Kéo mổ mắt	cái	1	
105	Khay men	cái	5	
106	Nĩa có răng	cái	5	
107	Nĩa không răng	cái	5	
108	Phễu men	cái	2	
109	Quả bóp cao su	cái	10	
110	Que cấy trùng	cái	6	
111	Giấy Platin	mét	0,5	
112	Ứng cao su	đôi	10	
113	Găng cao su dày	đôi	2	
114	Găng cao su mỏng	đôi	5	
III	ĐỒ VẢI NGHIỆP VỤ			
115	Đồ vải đội y học dự phòng (nhân viên, buồng kỹ thuật)	cơ số	1	

Tổng cộng: 115 khoản mục